

**BIỂU TỔNG HỢP SỐ THU LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ LẦN ĐẦU ĐỐI VỚI XE Ô TÔ CHỖ NGƯỜI TỪ 09 CHỖ NGỒI TRỞ XUỐNG NĂM 2024-2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYỀN QUANG VÀ HÀ GIANG
TRƯỚC HỢP NHẤT VÀ DỰ KIẾN SỐ THU NGÂN SÁCH NĂM 2026 KHI ÁP DỤNG MỨC THU LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ LẦN ĐẦU LÀ 11%
(Kèm theo Tờ trình số /TTr.GCS-STC ngày 04 tháng 5 năm 2026 của Sở Tài chính)**

I	Loại xe	Tỷ lệ	Cả năm 2025			Cả năm 2024			So sánh tăng, giảm		
			Số lượt	Trị giá tính lệ phí trước bạ (đồng)	Số tiền lệ phí trước bạ phải nộp (đồng)	Số lượt	Trị giá tính lệ phí trước bạ (đồng)	Số tiền lệ phí trước bạ phải nộp (đồng)	Số lượt	Trị giá tính lệ phí trước bạ (đồng)	Số tiền lệ phí trước bạ phải nộp (đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=(4-7)	11=(5-8)	12=(6-9)
A Tỉnh Tuyền Quang trước hợp nhất											
	Xe ô tô con		2.298	1.611.068.039.000	176.512.654.290	1.838	1.260.359.931.000	116.224.633.910	460	350.708.108.000	60.288.020.380
	Xe trong nước	11%	1.208	808.979.028.000	88.931.863.080	467	305.908.800.000	33.649.968.000	741	503.070.228.000	55.281.895.080
	Xe trong nước (Giảm theo chính sách)	5,5%				591	402.254.700.000	22.124.008.500	(591)	(402.254.700.000)	(22.124.008.500)
	Xe nhập khẩu	11%	1.090	802.089.011.000	87.580.791.210	780	552.196.431.000	60.450.657.410	310	249.892.580.000	27.130.133.800
- Ghi chú: Hiệu quả khi áp dụng mức thu 11% đối với xe ô tô chỗ người từ 09 chỗ chở xuống đăng ký lần đầu:											
+ Năm 2024: Tổng số xe đăng ký là 1.838 lượt xe; Tổng số thu lệ phí trước bạ lần đầu 11% (không tính giảm chính sách): 138.348.642.410 đồng; Tăng thu ngân sách 12.577.149.310 đồng so với mức thu 10%											
+ Năm 2025: Tổng số xe đăng ký là 2.298 lượt xe; Tổng số thu lệ phí trước bạ lần đầu 11%: 176.512.654.290 đồng; Tăng thu ngân sách 16.046.604.935 đồng so với mức thu 10%											
B Tỉnh Hà Giang trước hợp nhất											
	Xe ô tô con		1.486	1.121.561.384.000	112.192.696.400	1.047	783.273.902.000	68.443.515.200	439	338.287.482.000	43.749.181.200
	Xe trong nước	10%	614	436.859.000.000	43.714.188.000	231	156.520.300.000	15.652.030.000	383	280.338.700.000	28.062.158.000
	Xe trong nước (Giảm theo chính sách)	5%				252	189.437.500.000	9.471.875.000	(252)	(189.437.500.000)	(9.471.875.000)
	Xe nhập khẩu	10%	872	684.702.384.000	68.478.508.400	564	437.316.102.000	43.319.610.200	308	247.386.282.000	25.158.898.200
- Ghi chú: Hiệu quả khi áp dụng mức thu 11% đối với xe ô tô chỗ người từ 09 chỗ chở xuống đăng ký lần đầu gồm:											
+ Năm 2024: Tổng số xe đăng ký là 1.047 lượt xe; Tổng số thu lệ phí trước bạ lần đầu 10% (không tính giảm chính sách): 77.915.390.200 đồng; Trường hợp áp dụng mức thu tính lệ phí trước bạ lần đầu là 11% thì tổng số thu lệ phí trước bạ lần đầu là: 85.706.929.220 đồng, tăng thu ngân sách 7.791.539.020 đồng so với mức thu 10%											
+ Năm 2025: Tổng số xe đăng ký là 1.486 lượt xe; Tổng số thu lệ phí trước bạ lần đầu 10%: 112.192.696.400 đồng; Trường hợp áp dụng mức thu tính lệ phí trước bạ lần đầu là 11% thì tổng số thu lệ phí trước bạ lần đầu là: 123.411.966.040 đồng, tăng thu ngân sách 11.219.269.640 đồng so với mức thu 10%											
C	DỰ KIẾN SỐ THU NĂM 2026	Tỷ lệ	Số lượt	Trị giá tính lệ phí trước bạ (đồng)	Số tiền lệ phí trước bạ phải nộp (đồng)						
I	Xe ô tô con	10%	3.784	2.732.629.423.000	273.262.942.300						
II	Xe ô tô con	11%	3.784	2.732.629.423.000	300.589.236.530						
III	Số tăng thu Ngân sách (II-I)				27.326.294.230						
Ghi chú: Dự kiến số thu năm 2026 cho số lượt xe đăng ký, giá trị tính lệ phí trước bạ ước tính bằng năm 2025 của 2 tỉnh Tuyền Quang và Hà Giang trước hợp nhất											